

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày 24 tháng 8 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Về chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA X, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ NĂM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số nội dung hỗ trợ 22 huyện nghèo thuộc 17 tỉnh thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022 - 2025;

Thực hiện Công văn số 3948/BKHĐT-TCTT ngày 14 tháng 6 năm 2022 của

Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc thực hiện một số quy định của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 79/TTr-UBND, ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị cho ý kiến về chỉ tiêu, kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 05 năm (2021 - 2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 128/BC-HĐND ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất chỉ tiêu thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

1. Chỉ tiêu chung của tỉnh:

- a) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều chung toàn tỉnh giảm bình quân từ 1,5 - 2,0 %/năm;
- b) Tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo giảm bình quân từ 4,0 - 5,0%/năm;
- c) Phần đầu 50% huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo.

2. Chỉ tiêu đối với huyện phần đầu thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn (huyện M'Đrăk):

- a) Tỷ lệ nghèo đa chiều (gồm tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều) giảm bình quân từ 6,0 - 7,0%/năm;
- b) Quy mô hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều cuối kỳ giảm so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 là 60%;
- c) Đến năm 2025, thu nhập của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo thuộc phạm vi Quyết định số 880/QĐ-TTg, ngày 22 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, phần đầu tăng 1,8 lần so với năm 2020.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

Điều 2. Thống nhất kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Nhà nước (nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh) giai đoạn 05 năm (2021 –

2025) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

1. Nguồn vốn: Tổng kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh là 571.717 triệu đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách Trung ương: 511.717 triệu đồng;
- Vốn ngân sách tỉnh: 60.000 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

2. Phương án phân bổ vốn: Phân bổ 571.717 triệu đồng để thực hiện 02 dự án thành phần thuộc Chương trình, bao gồm:

2.1. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, với số vốn 446.717 triệu đồng (*Ngân sách Trung ương: 396.717 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 50.000 triệu đồng*), trong đó:

- Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo, với số vốn 440.717 triệu đồng (*Ngân sách Trung ương: 396.717 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 44.000 triệu đồng*);

- Tiêu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn giai đoạn 2022-2025 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, với số vốn 6.000 triệu đồng (*Ngân sách tỉnh: 6.000 triệu đồng*).

2.2. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững, với số vốn 125.000 triệu đồng (*Ngân sách Trung ương: 115.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 10.000 triệu đồng*), trong đó:

- Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn, với số vốn: 100.000 triệu đồng (*Ngân sách Trung ương: 94.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 6.000 triệu đồng*);

- Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững, với số vốn: 25.000 triệu đồng (*Ngân sách Trung ương: 21.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 4.000 triệu đồng*).

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

3. Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù:

Tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk bằng 0% số lượng dự án đầu tư được khởi công mới từ nguồn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh bố trí thực hiện Chương trình.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết, báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá X, Kỳ họp Chuyên đề lần thứ Năm thông qua ngày 19 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

CHỦ TOẠ KỲ HỌP

**Phó Chủ tịch HĐND tỉnh
Trần Phú Hùng**

Phụ lục I
CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND, ngày 24 tháng 8 năm 2022 của HĐND tỉnh)

Số TT	Chỉ tiêu, nhiệm vụ	Đơn vị tính	Mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2021 -2025	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	Chỉ tiêu, nhiệm vụ chung của tỉnh			
1	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm	% /năm	1,5-2	
2	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo ở các huyện nghèo	% /năm	4,0-5,0	
3	Tỷ lệ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo	%	50	
II	Chỉ tiêu, nhiệm vụ đối với huyện phần đầu thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn (Huyện M'Đrắk)			
1	Mức giảm tỷ lệ nghèo đa chiều (gồm tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều)	% /năm	6,0-7,0	
2	Mức giảm quy mô hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều cuối kỳ so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025	%	≥60	
3	Mức tăng thu nhập của hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2025 so với năm 2020	lần	1,8	

Phụ lục II

**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025**
(Ban hành Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND, ngày 24 tháng 8 năm 2022 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Dự án thành phần/ Tiêu dự án thuộc Chương trình	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó:		
			NSTW	NST	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TỔNG SỐ	571.717	511.717	60.000	
I	Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	446.717	396.717	50.000	
1	Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo	440.717	396.717	44.000	
1.1	Huyện Ea Súp	219.217	196.717	22.500	
1.2	Huyện M'Đrăk	221.500	200.000	21.500	
2	Tiêu dự án 2: Triển khai Đề án hỗ trợ một số huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt	6.000	-	6.000	
2.1	Huyện M'Đrăk	6.000		6.000	
II	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	125.000	115.000	10.000	
1	Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	100.000	94.000	6.000	
2	Tiêu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	25.000	21.000	4.000	

2.1	Đầu tư sở sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản phẩm dịch vụ làm trực tuyến và xây dựng cơ sở dữ liệu; Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người-người tìm việc	25.000	21.000	4.000	
2.1.1	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	17.500	14.700	2800	
2.1.2	Các huyện, thị xã và thành phố	7.500	6.300	1.200	